

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI VÔ TUYẾN - ĐIỆN TỬ VIỆT NAM
*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 851/QĐ-BNV,
ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam.
2. Tên giao dịch bằng tiếng Anh: The Radio and Electronics Association of Vietnam.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: REV.
4. Biểu tượng: Biểu tượng của Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.



Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam ở trong và ngoài nước đã và đang làm công tác nghiên cứu, thiết kế, sản xuất, khai thác, đào tạo, học tập, phổ biến kiến thức, phát triển, ứng dụng khoa học quản lý trong lĩnh vực vô tuyến, điện tử và máy tính.

2. Mục đích của Hội là tập hợp, giúp đỡ hội viên trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả; phát triển chuyên ngành.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng và tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở chính của Hội được đặt tại: Số 57, phố Vũ Thạnh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Điện thoại: 0462959849; Fax: 043512 2809; Thư điện tử: rev@rev.org.vn. Website: www.rev.org.vn. Khi cần, Hội có thể thành lập văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

3. Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam là thành viên của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực vô tuyến, điện tử và máy tính.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành khác có liên quan đến phạm vi, lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ

Điều 6. Nhiệm vụ

1. Tập hợp, đoàn kết hội viên hoạt động trên lĩnh vực nghiên cứu, thiết kế, sản xuất, khai thác, đào tạo, học tập, phổ biến kiến thức, phát triển, ứng dụng khoa học quản lý trong lĩnh vực vô tuyến, điện tử máy tính nhằm góp phần thúc đẩy hợp tác, phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo quy định của pháp luật.

2. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội. Động viên các hội viên tham gia các chương trình, đề án, dự án nghiên cứu về vô tuyến, điện tử và máy tính. Giúp đỡ, cổ vũ, tôn trọng bảo hộ quyền tác giả, sở hữu trí tuệ, các công trình nghiên cứu khoa học của hội viên.

3. Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng trong và ngoài nước tổ chức hội nghị, hội thảo, tuyên truyền, phổ biến, huấn luyện kiến thức, nghiên cứu khoa học, đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn về vô tuyến, điện tử và máy tính cho hội viên theo quy định của pháp luật.

4. Hợp tác với các tổ chức quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật để khuyến khích nâng cao hiệu quả nghiên cứu, phổ biến kiến thức về vô tuyến, điện tử và máy tính phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Tham gia thực hiện các hoạt động tư vấn, phản biện, giám định các vấn đề có liên quan đến vô tuyến, điện tử và máy tính do cơ quan nhà nước yêu cầu theo quy định của pháp luật, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 7. Quyền hạn

1. Tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Hội đã được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt và quy định pháp luật có liên quan.

2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội và đại diện cho hội viên trong các mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội và quy định của pháp luật. Tổ chức phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; hòa giải các tranh chấp trong nội bộ Hội.

4. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức, chính sách, pháp luật về vô tuyến, điện tử và máy tính cho hội viên và những người quan tâm; cung cấp các thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, đánh giá chính sách, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước khi có yêu cầu; cung cấp dịch vụ về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề có liên quan đến sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

8. Được xuất bản tạp chí, chuyên san và các ấn phẩm khác theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

9. Được gây quỹ Hội trên cơ sở phí đóng góp của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

10. Được mở rộng hợp tác, gia nhập các tổ chức quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập, phê duyệt Điều lệ Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế phù hợp quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Điều 8. Nghĩa vụ

1. Chấp hành quy định của pháp luật về Hội và các quy định pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thực hiện các công việc: Báo cáo tổ chức, hoạt động hằng năm của Hội, tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường, thay đổi các chức danh lãnh đạo chủ chốt; thay đổi trụ sở Hội; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, thành lập văn phòng đại diện và các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.

3. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Hội; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và văn phòng đại diện; biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Ban Kiểm tra Hội.

5. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động Hội.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 9. Hội viên và tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội Vô tuyến – Điện tử Việt Nam gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Tổ chức, công dân Việt Nam ở trong và ngoài nước đã và đang làm công tác nghiên cứu, thiết kế, sản xuất, khai thác, đào tạo, học tập, phổ biến kiến thức, phát triển, ứng dụng khoa học quản lý trong lĩnh vực vô tuyến, điện tử và máy tính có phẩm chất đạo đức tốt, tán thành Điều lệ Hội Vô

tuyên – Điện tử Việt Nam, tự nguyện nộp đơn xin gia nhập Hội sẽ được Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định kết nạp.

b) Hội viên liên kết: Tổ chức, công dân Việt Nam có đóng góp tích cực cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội Vô tuyến – Điện tử Việt Nam, nếu có nguyện vọng tham gia hoạt động Hội có thể được Ban Thường vụ Hội xem xét, công nhận.

c) Hội viên danh dự: Tổ chức, doanh nghiệp, công dân Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức, có đóng góp tích cực cho hoạt động của Hội, tán thành Điều lệ Hội Vô tuyến – Điện tử Việt Nam có thể được Ban Thường vụ Hội xem xét, công nhận.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên tổ chức: Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, thiết kế sản xuất, khai thác, đào tạo, học tập, phổ biến kiến thức, phát triển, ứng dụng khoa học quản lý trong lĩnh vực vô tuyến, điện tử và máy tính được thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân. Đại diện hội viên tổ chức gia nhập Hội phải là công dân Việt Nam có đạo đức tốt;

b) Công dân Việt Nam, đủ 18 (mười tám) tuổi trở lên, có đầu đủ năng lực hành vi dân sự đã và đang công tác trong lĩnh vực nghiên cứu, thiết kế, khai thác, đào tạo, học tập, phổ biến kiến thức, phát triển, ứng dụng khoa học quản lý trong lĩnh vực vô tuyến, điện tử và máy tính có phẩm chất đạo đức tốt.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành Điều lệ của Hội, các nghị quyết Đại hội, các quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ.

2. Thực hiện nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, giữ gìn uy tín và đạo đức nghề nghiệp.

3. Đoàn kết, xây dựng Hội phát triển vững mạnh vì lợi ích chung của Hội, hội viên và của đất nước; xây dựng quan hệ hợp tác, giúp đỡ giữa các hội viên.

4. Hội viên chính thức đóng góp hội phí và các khoản xây dựng quỹ của Hội theo quy định của Hội.

5. Bảo vệ uy tín của Hội, không được tự ý nhân danh Hội hoặc đại diện Hội trong các quan hệ, giao dịch khi không được Hội phân công, giới thiệu bằng văn bản.

6. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

7. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Quyền của hội viên

1. Tham gia thảo luận, biểu quyết chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội, đề đạt, phát biểu ý kiến về các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

2. Được cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được Hội bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Được quyền tham gia ứng cử, bầu cử các cơ quan lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

3. Được chất vấn về mọi hoạt động của Hội. Được cử tham gia hội nghị, hội thảo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, chuyển giao ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn, đăng tải các công trình khoa học trên tạp chí của Hội theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

4. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

5. Được giới thiệu hội viên mới và được Hội xem xét khen thưởng nếu có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Hội.

6. Hội viên là các pháp nhân được cử người đại diện của mình tham gia Hội theo quy định của Hội.

7. Được cấp Thẻ “Hội viên Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam”. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể việc ấn hành, cấp phát và quản lý thẻ hội viên.

8. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và ứng cử, bầu cử Ban lãnh đạo, Ban Kiểm tra của Hội. Hội viên danh dự không phải đóng hội phí.

Điều 12. Hình thức, thủ tục và thẩm quyền kết nạp, xóa tên hội viên

1. Tổ chức, công dân Việt Nam quy định tại Khoản 2, Điều 9 Điều lệ này muốn gia nhập Hội; hội viên có nguyện vọng xin ra khỏi Hội phải làm đơn gửi Văn phòng Hội. Việc kết nạp và xóa tên hội viên do Văn phòng Hội đề nghị Ban Thường vụ Hội xem xét, trình Chủ tịch Hội quyết định.

2. Tư cách hội viên sẽ bị chấm dứt hoặc bị xóa tên khỏi danh sách hội viên của Hội khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin ra khỏi Hội khi xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục tham gia hoạt động Hội. Trong trường hợp này, hội viên cần thông báo chính thức bằng văn bản cho Hội trước 01 (một) tháng và phải nộp lại thẻ hội viên;

b) Hoạt động trái Điều lệ hoặc vi phạm một trong những nội dung quy định trong Điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến thể diện và uy tín của Hội;

c) Vi phạm pháp luật bị kết tội và phải chịu hình phạt khi có bản án kết tội của toà án đã có hiệu lực pháp luật;

d) Bị chết, mất tích hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

đ) Tổ chức tự ngừng hoạt động, bị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động hoặc tuyên bố phá sản;

e) Hội viên không tham gia sinh hoạt Hội trong 03 (ba) kỳ liên tiếp, không đóng hội phí trong thời gian từ 01 (một) năm trở lên mà không có lý do chính đáng.

3. Hội viên bị khai trừ khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành. Quyết định khai trừ hội viên có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch Hội ký.

4. Văn phòng Hội có trách nhiệm đăng tải danh sách hội viên kết nạp mới và thông báo danh sách hội viên bị xóa tên công khai trên Website của Hội trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 13. Cơ cấu tổ chức

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng Hội,
6. Các ban chuyên môn.
7. Các tổ chức thuộc Hội (Chi hội, Phân hội chuyên ngành).

8. Hội Vô tuyến - Điện tử ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi Hội Vô tuyến - Điện tử cấp tỉnh) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân ra quyết định thành lập theo quy định của pháp luật nếu tán thành Điều lệ hoạt động của Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam, tự nguyện nộp đơn xin gia nhập, có thể được Ban Thường vụ Hội Vô tuyến – Điện tử Việt Nam xem xét, quyết định kết nạp làm hội thành viên.

Điều 14. Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường do Ban Chấp hành Hội triệu tập. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm 01 (một) lần; Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị đề giải quyết những vấn đề về tổ chức, nội dung, phương hướng hoạt động của Hội vượt quá thẩm quyền của Ban Chấp hành.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Số lượng và cơ cấu đại biểu tham dự Đại hội do Ban Chấp hành Hội quyết định căn cứ vào tỷ lệ hội viên ở các khu vực.

3. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được coi là hợp lệ khi có ý kiến cho phép tổ chức Đại hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hội và khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

4. Đại hội có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của Hội nhiệm kỳ đã qua và định hướng nội dung, chương trình hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ tới;

b) Xem xét và thông qua báo cáo tài chính của Hội nhiệm kỳ đã qua;

c) Thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội (nếu có);

d) Quyết định số lượng và bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

đ) Quyết định việc chia, tách; sáp nhập; giải thể; đổi tên hoặc gia nhập các tổ chức quốc gia, khu vực và quốc tế có cùng lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật;

e) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của Hội vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban Chấp hành Hội;

g) Thông qua nghị quyết Đại hội.

5. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành;

c) Trường hợp vắng mặt, đại biểu được quyền gửi ý kiến tham gia bằng văn bản và có giá trị như đại biểu có mặt tại Đại hội. Cách thức, nội dung, thông tin gửi xin ý kiến đối với đại biểu vắng mặt do Ban Chấp hành quy định, đảm bảo tính khách quan, trung thực, đầy đủ.

6. Báo cáo kết quả Đại hội:

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày sau Đại hội, Hội gửi tài liệu báo cáo kết quả Đại hội đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập và phê duyệt Điều lệ Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội do Đại hội bầu trực tiếp, nhiệm kỳ 05 (năm) năm. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn uỷ viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Ban Chấp hành có nhiệm vụ thi hành các nghị

quyết của Đại hội và lãnh đạo toàn bộ công tác của Hội trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội.

2. Ban Chấp hành họp thường kỳ 01 (một) năm 01 (một) lần để xem xét, đánh giá tình hình hoạt động của Hội, bàn bạc và quyết định các giải pháp cần thiết để thực hiện các quyết định, nghị quyết của Đại hội. Khi cần thiết, Ban chấp hành có thể họp bất thường theo triệu tập của Chủ tịch Hội. Giữa hai kỳ họp Ban chấp hành có thể hội ý, thảo luận bằng văn bản.

3. Giữa hai kỳ Đại hội, việc bổ sung, thay thế uỷ viên Ban Chấp hành trong từng trường họp phải được trên 2/3 (hai phần ba) số uỷ viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Số uỷ viên bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng uỷ viên đã được Đại hội quyết định cho mỗi nhiệm kỳ.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Lãnh đạo, tổ chức và hướng dẫn thực hiện Điều lệ, nghị quyết, quyết định chương trình và kế hoạch công tác hằng năm của Hội; quy định về phí hội viên;

b) Triệu tập Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường, các hội nghị, hội thảo của Hội; chuẩn bị các nội dung và các vấn đề khác của Đại hội;

c) Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ và xây dựng phương hướng hoạt động của nhiệm kỳ tới;

d) Quyết định số lượng, bầu và miễn nhiệm Ban Thường vụ: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và một số uỷ viên. Bầu bổ sung uỷ viên Ban Chấp hành trong nhiệm kỳ (nếu có);

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Văn phòng; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu; các quy định khác trong nội bộ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

e) Thông qua kế hoạch, quyết toán tài chính hằng năm và nhiệm kỳ của Hội;

g) Miễn nhiệm uỷ viên Ban Chấp hành khi vi phạm một trong những nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 Điều lệ này;

h) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ.

5. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Cuộc họp của Ban Chấp hành được xem là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số lượng uỷ viên Ban Chấp hành tham dự. Ban Chấp hành biểu quyết theo nguyên tắc quá bán, thiếu số phục tùng đa số, trong trường họp biểu quyết

ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội hoặc người chủ trì hội nghị. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định.

Điều 16. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành do Ban Chấp hành bầu và miễn nhiệm, nhiệm kỳ 05 (năm) năm, gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quyết định nhưng không được quá 1/3 (một phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Thay mặt Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội, Điều lệ Hội, các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành và điều hành công việc của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành và quy định của pháp luật; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Hội;

d) Quyết định kết nạp, khai trừ và xoá tên hội viên;

đ) Quyết định khen thưởng, kỷ luật hội viên; giải quyết kiến nghị, khiếu nại của hội viên theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

e) Báo cáo công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành;

g) Ban Thường vụ có quyền yêu cầu ủy viên Ban Chấp hành tự nguyện rút lui tư cách ủy viên Ban Chấp hành trong trường hợp nếu quá 01 (một) năm không dự họp Ban Chấp hành thường kỳ hay không tham gia, không đóng góp cho các hoạt động chung của Hội. Thủ tục xoá tên các ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban chấp hành ban hành, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ 06 (sáu) tháng 01 (một) lần; khi cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch Hội, Ban Thường vụ có thể họp bất thường để giải quyết các công việc quan trọng, cấp bách phát sinh. Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội hoặc người chủ trì hội nghị;

c) Các cuộc họp của Ban thường vụ được coi là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số uỷ viên Thường vụ tham dự cuộc họp. Ban thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định.

Điều 17. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu trực tiếp. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn uỷ viên Ban kiểm tra do Đại hội quyết định. Trưởng, Phó Ban Kiểm tra do Ban kiểm tra bầu. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra theo nhiệm kỳ của Đại hội nhiệm kỳ.

2. Uỷ viên Ban Kiểm tra có thể bị miễn nhiệm trước thời hạn theo quyết định của Đại hội bất thường hoặc theo đề nghị của ít nhất 2/3 (hai phần ba) số uỷ viên Ban Chấp hành hoặc ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức.

3. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, các quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội, các quy chế của Hội trong hoạt động của các đơn vị, tổ chức trực thuộc Hội, hội viên; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Hội;

b) Xem xét, giải quyết các đơn, thư khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội và những vấn đề có liên quan đến Hội, hội viên, tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

c) Kiểm tra những vấn đề liên quan đến Hội, hội viên, các Chi hội, các tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội do các cơ quan chức năng nhà nước yêu cầu. Kết luận về các đợt kiểm tra phải thông báo đầy đủ cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội.

4. Trong khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, Ban kiểm tra có quyền yêu cầu Ban chấp hành và các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội cung cấp thông tin tài liệu, chứng từ liên quan đến các vấn đề thuộc phạm vi kiểm tra.

5. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Kiểm tra ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các uỷ viên Ban Chấp hành, là người đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực chính Hội hoạt động, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và trước pháp luật về mọi mặt hoạt động của Hội.

2. Chủ tịch Hội có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Hội theo Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Triệu tập, chủ trì và kết luận các cuộc họp Ban Chấp hành và Ban Thường vụ, quyết định các công việc nhằm thực hiện nghị quyết của Đại hội, Điều lệ, quy chế của Hội;

c) Đại diện cho Hội trong các hoạt động đối nội, đối ngoại; phê chuẩn và ký các văn bản giao dịch đối ngoại của Hội, các quyết định, nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Làm chủ tài khoản của Hội hoặc uỷ quyền cho Tổng thư ký. Phân công nhiệm vụ cho các uỷ viên Ban Chấp hành, chủ trì cuộc họp Ban Chấp hành nhiệm kỳ kế tiếp cho đến khi bầu được Chủ tịch mới;

d) Trực tiếp chỉ đạo công việc của Tổng thư ký, phê duyệt nhân sự của Hội theo nghị quyết của Ban Thường vụ;

đ) Ký quyết định thành lập hoặc giải thể các tổ chức trực thuộc Hội và miễn nhiệm nhân sự chủ chốt của các tổ chức này;

e) Cử hội viên, cán bộ Hội đi công tác, tham dự hội nghị, hội thảo, tham gia các chương trình điều tra khảo sát, nghiên cứu, giám định, tư vấn, phản biện, chuyên giao công nghệ, bồi dưỡng nghiệp vụ ở trong, ngoài nước nhằm thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định pháp luật.

Điều 19. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu ra, số lượng Phó Chủ tịch do Ban chấp hành quyết định trong số các uỷ viên Ban Chấp hành. Phó Chủ tịch là người giúp việc Chủ tịch, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Hội về những phần việc được phân công.

2. Phó Chủ tịch thường trực được Chủ tịch uỷ quyền khi vắng mặt, tạm thời điều hành hoạt động của Hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Hội về những quyết định của mình.

Điều 20. Tổng thư ký

1. Tổng thư ký là người giúp việc cho Chủ tịch và Ban Chấp hành, chịu trách nhiệm điều hành Văn phòng Hội, xử lý công việc hành chính, tổng hợp; giúp giao dịch với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo yêu cầu công tác của Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng thư ký:

a) Quản lý tài sản, tài chính và hồ sơ tài liệu của Hội;

b) Dự thảo các văn bản, kế hoạch và báo cáo của Hội;

c) Tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch và công tác thông tin, bồi dưỡng nghiệp vụ, hội nghị, hội thảo;

d) Hỗ trợ hội viên triển khai các hoạt động của Hội.

Điều 21. Văn phòng, ban chuyên môn, tổ chức thuộc và trực thuộc Hội

1. Văn phòng Hội là cơ quan giúp việc của Hội do Tổng thư ký đảm nhiệm, có nhiệm vụ giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thực hiện công việc hành chính tổng hợp, kế toán tài chính cho Hội; thu thập và cung cấp thông tin cho hội viên; phục vụ các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Hội.

2. Ban chuyên môn giúp việc do Ban Thường vụ thành lập theo yêu cầu thực tế công việc để thực hiện các chương trình, đề án của Hội. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội có thể mời một số chuyên gia tư vấn thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức cơ sở của Hội gồm: Chi hội và phân hội chuyên ngành không có tư cách pháp nhân. Tổ chức và hoạt động của chi hội và phân hội chuyên ngành do Ban Chấp hành Hội quyết định, tuân thủ Điều lệ Hội và quy định của pháp luật:

a) Chi hội phải có từ 10 hội viên trở lên, có thể công tác ở cùng một cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hay là ở nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở gần nhau;

b) Phân hội chuyên ngành do Hội quyết định thành lập theo các lĩnh vực chuyên ngành cụ thể.

4. Các tổ chức trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật, tổ chức và hoạt động theo quy chế do Hội Vô tuyến – Điện tử Việt Nam phê duyệt tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương V

TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 22. Tài sản, tài chính

1. Tài sản của Hội gồm: Trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc, phục vụ hoạt động được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

2. Tài chính của Hội gồm:

a) Các khoản thu:

- Hội phí của hội viên;

- Các khoản kinh phí có được do thực hiện các chương trình, đề án, dự án (nếu có);

- Các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đóng góp, ủng hộ dưới hình thức hiện vật hay bằng tiền theo quy định của pháp luật;

- Các nguồn thu từ kết quả nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, từ các hoạt động đào tạo, hội nghị, hội thảo, xuất bản và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật;

- Các nguồn thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi:

- Chi cho các hoạt động thường xuyên của Hội như mua sắm trang thiết bị, máy móc, chi phí lương cho các cán bộ chuyên trách, phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách, công tác phí;

- Khen thưởng cho các hội viên Hội;

- Chi cho các hoạt động về thông tin, tuyên truyền, báo chí, các hoạt động quan hệ quốc tế, các hoạt động mang tính xã hội khác;

- Thuế và các khoản thu nộp khác cho ngân sách nhà nước (nếu có);

- Các khoản chi hợp pháp khác.

Điều 23. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính

1. Tài chính, tài sản của Hội được ghi chép, theo dõi, hạch toán, quản lý, sử dụng và chi tiêu theo quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính do Ban Chấp hành Hội quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm, phù hợp với tôn chỉ, mục đích, Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật Nhà nước về chế độ chi tiêu tài chính đối với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và phải được báo cáo trước Đại hội của Hội.

2. Các khoản thu, chi của Hội phải được Ban Kiểm tra của Hội kiểm tra, kiểm soát, xác nhận trước khi báo cáo ra Đại hội.

3. Tài sản, tài chính của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quyết toán tài chính

Hàng năm Hội phải báo cáo quyết toán tài chính theo quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước, gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quyết toán tài chính của Hội được thực hiện theo năm tài chính và được thông báo tới các hội viên.

Chương VI

CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 25. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Các vấn đề về tài sản, tài chính, quyền và lợi ích, trách nhiệm và nghĩa vụ khác của Hội liên quan đến chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 26. Khen thưởng

1. Tổ chức, hội viên của Hội có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội; các công dân, tổ chức có đóng góp cho hoạt động và sự phát triển của Hội, được Hội xem xét, khen thưởng. Trường hợp hội viên có thành tích đặc biệt xuất sắc sẽ được Hội đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Thường vụ Hội có trách nhiệm ban hành quy chế khen thưởng, quy định cụ thể hình thức, tiêu chuẩn, thủ tục, thẩm quyền khen thưởng hội viên phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 27. Kỷ luật

1. Tổ chức, hội viên của Hội vi phạm nghị quyết, hoạt động trái Điều lệ Hội, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của Hội thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật với các hình thức: Phê bình, khiển trách, cảnh cáo, đình chỉ có thời hạn, cách chức, xoá tên khỏi danh sách hội viên. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng sẽ chuyển sang cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Ban Thường vụ Hội có trách nhiệm ban hành quy chế kỷ luật, quy định cụ thể thủ tục, thẩm quyền kỷ luật hội viên phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường của Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam gồm 08 (tám) Chương, 29 (hai mươi chín) Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (nhiệm kỳ 2014 - 2019) của Hội thông qua ngày 05 tháng 04 năm 2014 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Điều lệ này thay thế bản Điều lệ Hội Vô tuyến – Điện tử Việt Nam được Ban Tổ chức – Cán bộ Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 210/TCCP-TC ngày 08 tháng 04 năm 1993.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Vô tuyến - Điện tử Việt Nam có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Tiến Dĩnh